TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v "Tranh chấp về xác định cha cho con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về xác định cha cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị Lý Thị T (Tên gọi khác: Lý Thị C), sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Ma Đức T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Kiều, xã T3, huyện B1, tỉnh Hà Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Năm 2005 chị T đã đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn H, chị T, anh H có

hai con chung là Hoàng Văn T4, sinh ngày 21/7/2005 và Hoàng Thị T5, sinh ngày 04/10/2007. Quá trình chung sống chị T và anh H nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên năm 2014 đã sống ly thân. Đến năm 2021 Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Hà Giang đã giải quyết vụ án ly hôn cho chị T và anh H. Khi giải quyết ly hôn thì anh Hoàng Văn H được quyền nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Văn T4, sinh ngày 21/7/2005 và Hoàng Thị T5, sinh ngày 04/10/2007.

Trong thời gian ly thân với anh Hoàng Văn H thì chị T có quen biết, có quan hệ tình cảm với anh Ma Đức T1. Đến ngày 17/01/2017 chị T sinh con tại Trạm Y tế xã T2, huyện C1 và dự định đặt tên con là Ma Đức H1. Cháu H1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh Hoàng Văn H nhưng trên thực tế chị T và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2014 nên cháu H1 không phải con của chị T và anh Hoàng Văn H. Do cháu H1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với anh Hoàng Văn H nên đến nay chị T vẫn chưa đăng ký khai sinh được cho cháu H1. Ngày 09/3/2020 chị T và anh Ma Đức T1 đã đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau tại thôn B, xã T2, H1ện C1. Nay chị T đề nghị Tòa án xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 theo Giấy chứng sinh số 52 quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án anh Ma Đức T1 trình bày:

Anh T1 và chị Lý Thị T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016. Khi anh T1 và chị T chung sống với nhau thì chị T vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân với anh Hoàng Văn H, sinh năm 1982, địa chỉ thôn Kiều, xã T3, huyện B1, tỉnh Hà Giang. Chị T và anh Hoàng Văn H đã sống ly thân với nhau từ năm 2014.

Sau một thời gian chung sống thì chị T có thai, đến ngày 17/01/2017 chị T sinh 01 con trai tại Trạm Y tế xã T2, huyện C1. Dự định đặt tên cho con là Ma Đức H1 và chị T khẳng định cháu bé tên Ma Đức H1 này là con của anh T1. Đến ngày 09/3/2022 anh T1 và chị T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện C1, sau khi đăng ký kết hôn anh T1 và chị T vẫn chưa đăng ký khai sinh được cho cháu Ma Đức H1. Để có căn cứ chứng minh cháu bé Ma Đức H1 là con đẻ của anh T1, chị T đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C1 yêu cầu xác định anh T1 là cha đẻ của cháu Ma Đức H1. Anh T1 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T về việc xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn H trình bày: Năm 2005 anh H và chị T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống cùng nhau. Đến năm 2014 anh H, chị T sống ly thân, không liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Năm 2021 chị T làm đơn xin ly hôn với anh Hoàng Văn H tại Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Hà Giang. Ngày 17/01/2017 chị Lý Thị T sinh con thứ ba, dự định đặt tên là Ma Đức H1, khi đó chị T và anh H đã sống ly thân và không có quan hệ tình cảm với nhau nên cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1 không phải con đẻ của anh Hoàng Văn H nên anh H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T về việc đề nghị xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé dự định đặt

tên Ma Đức H1. Anh Hoàng Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Theo Kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH Công nghệ di truyền NOVAGEN, kết luận: Ma Đức T1, sinh ngày 12/3/1986, Căn cước công dân số 008086005708, ngày cấp 17/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) có quan hệ H1ết thống Bố - Con với người có tên dự kiến Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 theo Giấy chứng sinh số 52 quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang, độ tin cậy > 99,9999%.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lý Thị T và bị đơn anh Ma Đức T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Đề nghị Tòa án xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé đự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, không có ý kiến khác trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C1 về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"tranh chấp xác định cha cho con"* của chị Lý Thị T (Lý Thị C): Xác định cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang là con của anh Ma Đức T1.

Buộc anh Ma Đức T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định, do chị T đã nộp tạm ứng chi phí giám định, nên anh T1 phải hoàn trả số tiền chị Lý Thị T chi phí giám định là 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Anh T1 phải chịu nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Đức T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xác định cha cho con theo quy định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang giải quyết về Tranh chấp về xác định cha cho con với anh Ma Đức T1; anh Ma Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Tranh chấp về xác định cha cho con"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị Lý Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn H vào năm 2005, đến năm 2014 chị T và anh H nảy sinh mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân. Đến ngày 12/01/2021 chị Lý Thị T và anh Hoàng Văn H ly hôn tại Quyết định công nhận thuận T4 ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Hà Giang.

Trong thời gian sống ly thân với anh Hoàng Văn H, chị Lý Thị T có quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Ma Đức T1, đã sinh một bé trai dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Chị T, anh T1 đều thừa nhận, cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1 do chị T sinh là con đẻ của anh Ma Đức T1.

Cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Hoàng Văn H. Lời khai của anh H đã xác nhận chị Lý Thị T sinh con thứ ba vào ngày 17/01/2017 thì không phải con của anh do anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến năm 2021 thì ly hôn.

Lời khai của chị Lý Thị T, anh Ma Đức T1, anh Hoàng Văn H phù hợp với Kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH Công nghệ di truyền NOVAGEN, kết luận: Ma Đức T1, sinh ngày 12/3/1986, Căn cước công dân số 008086005708, ngày cấp 17/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) có quan hệ H1ết thống Bố - Con với người có tên dự kiến Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 theo Giấy chứng sinh số 52 quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang, độ tin cậy > 99,9999%.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị T xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về chi phí giám định ADN: Yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T được chấp nhận nên bị đơn anh Ma Đức T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định tại các Điều 160, 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 phải chịu nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Ma Đức T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T (Lý Thị C).

1. Xác định anh Ma Đức T1 là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Ma Đức H1, sinh ngày 17/01/2017 tại Giấy chứng sinh số 52, quyển số 04, cấp ngày 23/01/2017 của Trạm Y tế xã T2, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn anh Ma Đức T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 6.600.000đ. Do chị T đã nộp tạm ứng số tiền trên nên anh Ma Đức T1 phải hoàn trả chị T số tiền 6.600.000đ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và đến thời hạn thanh toán (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền (tiền cấp dưỡng nuôi con, tiền lệ phí giám định), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Ma Đức T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xác định cha cho con.

Chị Lý Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm xác định cha cho con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện C1;
- UBND xã T2;
- Chi cục THADS H1ện C1;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc